

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2022/HSPT

Ngày 14-6-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 154/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2022/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Thùy D; sinh năm 1988, tại: Bến Tre; Nơi đăng ký NKTT: ấp A, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: căn hộ khu R, chung cư C, số X đường BBTT, phường SK, quận TP, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1928 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1951; chồng, con: chưa; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Lê Thị T, sinh năm 1968; trú tại: đường KV, phường PT, quận TP, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Trong vụ án có 01 bị hại, 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thùy D và chị Lê Thị T có mối quan hệ quen biết với nhau từ lâu. Do biết D có kinh doanh thực phẩm chức năng tại địa chỉ THĐ, phường z, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh nên từ khoảng tháng 8/2019 đến tháng 6/2020, chị T đã nhiều lần cho D vay tiền tổng cộng là 700.000.000 đồng, có ghi giấy vay mượn tiền, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Ngày 20/7/2020, do cần tiền kinh doanh khẩu trang y tế nên Nguyễn Thị Thùy D hỏi mượn chị Lê Thị T 500.000.000 đồng nhưng chị T yêu cầu D phải có tài sản thế chấp mới đồng ý cho vay nên D nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ ấp A, xã TT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị N (mẹ của D) đứng tên sở hữu. D liên hệ với một người có tên Zalo “Lê H” (chưa rõ lai lịch) đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ trên với giá 8.000.000 đồng. Ngày 21/7/2020, sau khi làm xong giấy chứng nhận giả, đối tượng làm giả thông qua một thanh niên chạy xe công nghệ Grap giao cho D tại địa chỉ THĐ, phường z, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/7/2020, D đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên cho chị T và chị T đã chuyển khoản trước cho D 200.000.000 đồng qua số tài khoản xxxx mở tại ngân hàng Techcombank, còn 300.000.000 đồng thì khi nào công chứng hợp đồng ủy quyền xong chị T sẽ đưa đủ cho D.

Ngày 28/7/2020, D và chị T đến Văn phòng Công chứng TP số t đường LBB, phường PT, quận TP để làm thủ tục hợp đồng ủy quyền nhưng không thực hiện được do D còn thiếu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nên D tiếp tục liên hệ với người có tên Zalo “Lê H” đặt làm 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 207/UBND-XNTTHN ngày 27/7/2020 của UBND xã Thạnh Trị đối với Nguyễn Thị Thùy D giá 2.000.000 đồng.

Khoảng 10 giờ ngày 29/7/2020, D cùng chị T đến Văn phòng Công chứng TP để làm thủ tục hợp đồng ủy quyền và hợp đồng cho vay thì bị anh Nguyễn Viết P là Công chứng viên Văn phòng Công chứng TP nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cùng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là giả nên trình báo Công an phường Phú Thạnh mời D về trụ sở làm việc.

Theo Kết luận giám định số 2211/KLGD-TT ngày 06/11/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh, kết luận:

Chữ ký mang tên Trần Quang M trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CN310286 so với chữ ký của Trần Quang M trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM- TỈNH BẾN TRE- SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CN310286 là giả.

Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Đặng Văn Đua E trên “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” mang tên Nguyễn Thị Thùy D so với chữ ký của Đặng Văn Đua E trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D XÃ THANH TRỊ H. BÌNH ĐẠI T. BẾN TRE” trên “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” mang tên Nguyễn Thị Thùy D là giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2022/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

[1] Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Thùy D phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội: *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*;

[2] Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015;

[3] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thùy D 08 (tám) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

[4] Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

[5] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thùy D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

[6] Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy D phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền: 13.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 28/02/2022 Nguyễn Thị Thùy D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thùy D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm thể hiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tại cấp sơ thẩm nhận định bị cáo D muốn chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng, bị cáo thực tế đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của bị hại, đối với số tiền 300.000.000 đồng là phạm tội chưa đạt và áp dụng

khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có ý định chiếm đoạt của bị hại số tiền là 500.000.000 đồng nhưng trên thực tế bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng nên áp dụng khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó, đề nghị không chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo đối với việc bị cáo cho rằng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo bổ sung được tài liệu bị cáo đang mang thai và đã bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại đây là tình tiết mới đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” từ 06 tháng đến 01 năm. Đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” xét thấy mức án là phù hợp nên đề nghị y án đối với tội danh “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo D tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bị cáo không lừa đảo để chiếm đoạt tiền của chị T, vì bị cáo chỉ vay tiền và đã trả cho chị T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để chăm sóc cho mẹ già, cháu nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 15/02/2022, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thùy D, Ngày 28/02/2022 bị cáo D có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung, Nguyễn Thị Thùy D và bị hại bà Lê Thị T có mối quan hệ quen biết từ lâu, bà T đã cho bị cáo D vay mượn tiền nhiều lần. Ngày 20/7/2020, D đề nghị vay bà T 500.000.000 đồng nhưng bà T yêu cầu cần có tài sản thế chấp. Ngày 21/7/2020 D đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CN310286 tại địa chỉ ấp X, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị N (mẹ của D) đứng tên chủ sở hữu của đối tượng không rõ lai lịch với giá 8.000.000 đồng. Ngày 26/7/2020, D đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này cho bà T với mục đích làm cho bà T tin tưởng là thật, bà T đã chuyển khoản trước cho D số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 28/7/2020, bị cáo và bà T đến văn phòng công chứng bị cáo dùng Giấy chứng nhận giả này để làm hợp đồng ủy quyền và hợp đồng vay tiền để tiếp tục được vay số tiền còn lại là 300.000.000 đồng nhưng D thiếu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nên không công chứng được. Sau đó D tiếp tục liên hệ đặt làm Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả với giá 2.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, D cùng bà T đến Văn phòng công chứng TP tiếp tục thực hiện công chứng hợp đồng vay tiền và hợp đồng ủy quyền để bà T chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng còn lại nhưng bị phát hiện sử dụng giấy tờ giả nên bà T chưa chuyển tiền cho D.

Hành vi của bị cáo là dùng thủ đoạn gian dối làm cho người có tài sản tin tưởng đó là thật nên đã tự nguyện giao tài sản, hành vi cấu thành vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do đó cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thùy D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng pháp luật.

Tuy nhiên tại phần nhận định của bản án sơ thẩm đã nhận định bị cáo muốn chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của chị T, bị cáo đã chiếm đoạt 200.000.000 đồng, số tiền 300.000.000 đồng còn lại là phạm tội chưa đạt và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy nhận định và áp dụng pháp luật của sơ thẩm là có mâu thuẫn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quyết định tội danh “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” gồm tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là không chính xác. Trong vụ án này bị cáo chỉ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” không phạm tội “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”.

Do cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần Hội đồng xét xử mới.

[3] Do hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại nên không xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

[4] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 36/2022/HSST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử lại.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Tân Phú; (1)
- P.PV06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại tạm giam; (2)
- THA quận Tân Phú; (1)
- TAND quận Tân Phú; (2)
- Công an quận Tân Phú; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (25) (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân